VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 02/2026/VBHN-NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Quy định định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh; tổng mức chi trong xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Nghị quyết số 41/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh; tổng mức chi trong xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026, được sửa đổi bởi:

Nghị quyết số 71/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 41/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh; tổng mức chi trong xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 226/TTr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý

kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh; tổng mức chi trong xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi[1].

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi *(sau đây viết tắt là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh)*; tổng mức chi trong xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi *(sau đây viết tắt là Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc được giao nhiệm vụ xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đảm bảo kinh phí phục vụ công tác xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

---

[1] Nghị quyết số 71/2026/NQ-HĐND có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 324/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết sửa đổi khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 41/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh; tổng mức chi trong xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi".

Điều 3. Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

1.[2] Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng mới hoặc ban hành nghị quyết để thay thế nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Loại văn bản	**Định mức khoán chi** *(Triệu đồng)*	**Nhiệm vụ soạn thảo, góp ý, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ để trình HĐND tỉnh**	**Nhiệm vụ thẩm tra, trình thông qua**
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	70	60%	40%

2. Trường hợp xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ một số điều của nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì định mức khoán chi như sau:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 nghị quyết trở lên thì áp dụng định mức khoán chi theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 nghị quyết thì định mức khoán chi bằng 60% định mức khoán chi theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì định mức khoán chi bằng 30% định mức khoán chi theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Căn cứ định mức khoán chi thẩm tra, trình thông qua tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt động, định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Căn cứ định mức khoán chi tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định danh mục nhiệm vụ, hoạt động, định mức khoán chi và mức chi cụ thể cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với quy định về thanh toán, quyết toán và không vượt định mức khoán chi theo quy định.

Điều 4. Tổng mức chi xây dựng quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Loại văn bản	**Văn bản mới, thay**	**Văn bản sửa đổi, bổ sung từ**	**Văn bản sửa đổi, bổ sung**	**Văn bản bãi bỏ một phần**

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 của Nghị quyết số 71/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2026.

	thế	02 văn bản trở lên	01 văn bản	hoặc toàn bộ
Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	**30**	**30**	**18**	**9**

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí cho công tác xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành[3]

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

2. Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi *(được quyết định áp dụng tại số thứ tự 21 Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)* hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã được ban hành, thông qua kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được

---

[3] Điều 2 và Điều 3 của Nghị quyết số 71/2026/NQ-HĐND, có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

*"**Điều 2. Tổ chức thực hiện***

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 17 tháng 7 năm 2026.

2. Các nội dung khác không được sửa đổi tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Nghị quyết số 41/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh".

thanh, quyết toán thì được thanh, quyết toán theo định mức khoán chi, tổng mức chi quy định tại Nghị quyết này đối với phần nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện và có sản phẩm cụ thể. Việc điều chỉnh, bổ sung dự toán (nếu có) thực hiện theo thẩm quyền, trình tự thủ tục của pháp luật ngân sách nhà nước, bảo đảm không trùng lặp, không vượt tổng mức chi và định mức khoán chi được quy định tại Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, CTHĐND (MT).

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 8 năm 2026

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Đức Tuy